

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2021/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 23/2021/QĐ-TA ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Đương sự thứ nhất: Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày: 10/01/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Hoa Kỳ, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Đương sự thứ hai: Anh Mai Văn N, sinh ngày: 18/12/1984, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Vương quốc Anh, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người được ủy quyền giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng của chị Nguyễn Thị N, anh Mai Văn N: Chị Võ Thị N, sinh năm: 1991, địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo yêu cầu giải quyết việc ly hôn của anh Mai Văn N và chị Nguyễn Thị N, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

Chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn năm 2007 và đăng ký lại tại UBND xã T, thành phố Hà Tĩnh,

tỉnh Hà Tĩnh theo số đăng ký số 74/2014 quyền số 01/2014, ngày 28/10/2014 (lý do đăng ký lại: Do Giấy Chứng nhận kết hôn năm 2007 bị mất). Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và đã sinh được 01 người con là Mai Ngọc Thế Đ, sinh ngày: 18/01/2008. Năm 2015, anh Mai Văn N đi lao động tại Anh. Năm 2019, chị Nguyễn Thị N đi lao động tại Mỹ. Hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi anh Nhu đi lao động tại Anh. Nguyên nhân là do khác biệt về quan điểm sống, không tin tưởng nhau dẫn đến không còn quan tâm đến nhau. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2015; hiện nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Ngọc Thế Đ, sinh ngày: 18/01/2008. Do vợ chồng đang đi lao động ở nước ngoài nên gửi con cho bà ngoại (mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N) trực tiếp nuôi dưỡng. Hai vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

* Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 146, 147, 361, 362, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N thuận tình ly hôn; công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung, các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến được trình bày bằng văn bản của chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh; Hội đồng giải quyết việc dân sự nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N đều có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Nguyễn Thị N, anh Mai Văn N theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 5894/QLXNC-P5 ngày 17/3/2021 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an thể hiện “Anh Mai Văn N xuất cảnh gần nhất ngày 24/9/2015; chị Nguyễn Thị N xuất cảnh gần nhất ngày 08/9/2019, đều chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và

Gia đình; Điều 28, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N đều có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì vợ chồng không thể về Việt Nam để giải quyết việc hôn nhân gia đình là bất khả kháng do dịch Covid-19 bùng phát. Đồng thời ủy quyền giao, nhận tài liệu cho chị Võ Thị N, địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trên tinh thần Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án sẽ tổng đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài.

[1.4] Chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N có văn bản đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ Điều 205, 207, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 25/2021/TB-TA ngày 15/3/2021 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý việc Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[1.6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 93, 94, 95, 96, 97, 206, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.7] Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Mai Văn N, chị Nguyễn Thị N tại UBND xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, hồ sơ lưu trữ thể hiện: *“Tại quyển số 01/2007-2009 số 48: Đăng ký ngày 20/7/2007: Chồng Mai Văn N, sinh ngày: 18/12/1984; vợ Nguyễn Thị N, sinh ngày: 10/01/1988; tại quyển số 01/2014, số 74, đăng ký ngày: 28/10/2014, chồng: Mai Văn N, vợ: Nguyễn Thị N (đăng ký lại)”*.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Hôn nhân giữa anh Mai Văn N và chị Nguyễn Thị N được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau, đời sống hôn nhân hạnh phúc và có một con chung. Năm 2015, anh Mai Văn N đi lao động tại Anh. Năm 2019, chị Ngọc đi lao động tại Mỹ. Vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy thời gian xa cách lâu ngày, tình cảm vợ chồng không được vun đắp, xây dựng nên mục

đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2.1.3] *Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn” (khoản 1 Điều 51); “Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn....” (Điều 55).*

[2.1.4] Xét thấy, tình cảm vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc, anh Nhu như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh Nhu, chị Ngọc có 01 con chung là Mai Ngọc Thế Đ, sinh ngày: 18/01/2008. Hai vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vợ chồng đang đi lao động ở nước ngoài nên gửi con cho bà Mai Thị Tín (mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N) trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ngọc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận này là sự tự nguyện của hai vợ chồng, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N, sinh ngày: 10/01/1988, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, (hiện đang lao động tự do tại Hoa Kỳ) và anh Mai Văn N, sinh ngày: 18/12/1984, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (hiện đang lao động tự do tại Vương quốc Anh).

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận việc nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn N: Giao con chung Mai Ngọc Thế Đ, sinh ngày: 18/01/2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vợ chồng đang đi lao động ở nước ngoài nên tạm giao con chung cho bà Mai Thị Tín (mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Mai Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận sự tự nguyện nộp số tiền án phí HNGĐST 300.000 đồng của anh Mai Văn N theo biên lai số 0000132 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC HNGĐ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Bùi Văn Lam